

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ GIÁO DỤC NGÔN NGỮ: TÁC ĐỘNG CỦA XU HƯỚNG TOÀN CẦU VÀ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Anh^{1*}, Nguyễn Thúy An²

¹Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

²Trường Đại học Thủ Dầu Một

* Tác giả liên hệ: Nguyễn Hoàng Anh, nguyenhoanganh@dentu.edu.vn

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 23/11/2025

Ngày nhận bài sửa: 04/02/2026

Ngày duyệt đăng: 20/03/2026

TỪ KHOÁ

Trí tuệ Nhân tạo;

Giáo dục ngôn ngữ;

Tiếp cận liên ngành;

Bối cảnh Việt Nam;

Xu hướng toàn cầu.

TÓM TẮT

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (*Artificial Intelligence – AI*) đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong giáo dục toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, nơi nhu cầu cá nhân hóa học tập, phản hồi kịp thời và phát triển năng lực giao tiếp ngày càng gia tăng. Nghiên cứu này nhằm phân tích tác động của các xu hướng AI trong giảng dạy ngôn ngữ trên thế giới và làm rõ những hàm ý đối với bối cảnh Việt Nam, trong khi các nghiên cứu tổng hợp và đối sánh quốc tế về lĩnh vực này còn hạn chế.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp dữ liệu thứ cấp kết hợp phân tích chủ đề đối với các công trình khoa học, báo cáo chính sách và văn bản quản lý được công bố trong giai đoạn 2019–2024. Kết quả cho thấy AI và AI tạo sinh đang thúc đẩy cá nhân hóa dạy học ngôn ngữ, tự động hóa phản hồi và hỗ trợ đánh giá, đồng thời đặt ra các thách thức về liên chính học thuật, thiên lệch ngôn ngữ và quản trị đạo đức. Tại Việt Nam, việc tích hợp AI trong giảng dạy ngôn ngữ còn phân mảnh do thiếu khung năng lực, hướng dẫn sư phạm và hệ sinh thái học liệu phù hợp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý chính sách, sư phạm và phát triển năng lực giáo viên nhằm thúc đẩy tích hợp AI trong giảng dạy ngôn ngữ một cách bền vững.

1. GIỚI THIỆU

Trí tuệ Nhân tạo (*Artificial Intelligence – AI*) đang trở thành một trong những công nghệ nền tảng định hình kỷ nguyên giáo dục mới của thế kỷ XXI. Ý tưởng về trí tuệ nhân tạo đã xuất hiện từ hơn một thế kỷ trước; tuy nhiên, chỉ từ năm

1965, AI mới được ghi nhận rõ ràng trong lĩnh vực giáo dục, khi UNESCO công bố báo cáo về “học máy” các hệ thống hỗ trợ học tập tự động được phát triển tại Hoa Kỳ (UNESCO, 2023a). Kể từ đó, AI từng bước khẳng định vai trò như một động lực cách mạng hóa phương thức dạy và

học, mở ra những cơ hội chưa từng có cho cả giáo viên và người học trên toàn cầu.

Trong hơn sáu thập kỷ qua, tiến trình phát triển của AI trong giáo dục gắn liền với những biến động về kinh tế, xã hội, công nghệ và đặc biệt là sự thay đổi trong triết lý giáo dục của từng quốc gia. Ở giai đoạn đầu (1950–1990), AI chủ yếu được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động học tập cơ bản thông qua các chương trình được lập trình sẵn. Một minh chứng tiêu biểu là hệ thống PLATO (Programmed Logic for Automatic Teaching Operations) nền tảng giáo dục đầu tiên ứng dụng máy tính để hỗ trợ giảng dạy có cấu trúc, được xem là tiền thân của mô hình học tập trực tuyến hiện nay (Meacham, 2021). Từ thập niên 1970, các công cụ học tập dựa trên AI như AutoTutor hay LEGO Mindstorms được phát triển nhằm giúp người học rèn luyện tư duy logic và kỹ năng giải quyết vấn đề, đặc biệt trong các lĩnh vực ngôn ngữ và khoa học kỹ thuật (Cantu-Ortiz et al., 2020).

Bước sang giai đoạn 1990–2010, khi hạ tầng công nghệ được cải thiện, AI bắt đầu được ứng dụng để cá nhân hóa trải nghiệm học tập. Các phần mềm như Cognitive Tutor, Programming by Example, hay Jupiter Learning mang đến khả năng điều chỉnh nội dung học theo năng lực, tốc độ và phong cách của từng cá nhân (Khan Academy, 2023). Sự xuất hiện của Knewton (2008) và Khan Academy (2006) đánh dấu kỷ nguyên mới của giáo dục dựa trên dữ liệu, khi thuật toán và phân tích học tập (learning analytics) được sử dụng để tối ưu hóa lộ trình học của người học. Trong bối cảnh đó, vai trò của giáo viên dần chuyển từ “người truyền đạt tri thức” sang “người hướng dẫn và tương tác học tập” một thay đổi quan trọng về mặt sự phạm (OECD, 2023).

Từ năm 2010 đến nay, sự xuất hiện của AI tạo sinh (Generative AI) và học sâu (Deep Learning) đã mở ra một giai đoạn mới, nơi AI không chỉ xử lý dữ liệu mà còn sáng tạo nội dung và mô phỏng tư duy con người. Các công cụ như

ChatGPT, Gemini, Copilot hay Socratic đang làm thay đổi căn bản cách con người tiếp cận tri thức (Mathew, 2023; Grassini, 2023). Cùng với đó, công nghệ thực tế ảo (Virtual Reality – VR) và thực tế tăng cường (Augmented Reality – AR) được tích hợp mạnh mẽ trong dạy học ngôn ngữ, giúp người học trải nghiệm tình huống giao tiếp mô phỏng gần với thực tế (Dimitriadou & Lanitis, 2023). Có thể nói, AI đã dịch chuyển từ giai đoạn “tự động hóa” sang “đồng kiến tạo tri thức”, trở thành một đối tác học tập thông minh (Intelligent Learning Partner) trong quá trình dạy và học ngôn ngữ. Đặc biệt, đại dịch COVID-19 (2020–2022) đã đóng vai trò như một chất xúc tác mạnh mẽ thúc đẩy quá trình chuyển đổi số giáo dục toàn cầu. Hơn 1,6 tỷ học sinh trên thế giới bị gián đoạn học tập, buộc các cơ sở giáo dục phải tìm đến các nền tảng số và công cụ AI như một giải pháp thay thế khẩn cấp (World Bank, 2023). Trong bối cảnh đó, AI đã chứng minh khả năng duy trì và mở rộng tiếp cận giáo dục thông qua các nền tảng trực tuyến như Coursera, EdX, Quizlet hay Padlet, cho phép người học tự quản lý tiến trình học và nhận phản hồi cá nhân hóa (UNESCO, 2021). Theo UNESCO (2023b), công nghệ này không chỉ giúp duy trì hoạt động giảng dạy trong khủng hoảng mà còn mở ra cơ hội sáng tạo sự phạm, hướng tới nền giáo dục linh hoạt, toàn diện và bền vững hơn.

Mặc dù các nghiên cứu quốc tế đã phân tích sâu tác động của AI đối với dạy và học ngôn ngữ, phần lớn công trình tập trung vào khía cạnh kỹ thuật hoặc hiệu quả công cụ mà chưa xem xét đầy đủ sự giao thoa giữa chính sách quốc gia, năng lực giáo viên, hạ tầng công nghệ và bối cảnh văn hoá ngôn ngữ của từng quốc gia. Các nghiên cứu của Grassini (2023), Lo (2023) hay OECD (2023) chủ yếu mô tả lợi ích của AI tạo sinh trong phát triển năng lực giao tiếp, nhưng còn thiếu các phân tích liên ngành kết nối giữa công nghệ giáo dục, ngôn ngữ học ứng dụng và quản trị giáo dục. Ở Việt Nam, các công trình hiện có mới dừng lại ở mô tả hiện trạng chuyển đổi số hoặc nhận diện cơ hội thách thức chung (Nguyen, 2022; Pham &

Tran, 2024), trong khi chưa làm rõ cách tiếp cận AI trong giảng dạy ngôn ngữ khác biệt thế nào so với các quốc gia dẫn đầu như Hoa Kỳ, Hàn Quốc hay Singapore những nơi đã sở hữu hệ sinh thái dữ liệu học tập mở, chuẩn năng lực AI và mô hình đào tạo giáo viên dựa trên AI. Sự thiếu vắng các nghiên cứu đối sánh quốc tế và phân tích mang tính liên ngành đã tạo nên khoảng trống học thuật quan trọng: chưa có công trình nào đánh giá toàn diện mức độ sẵn sàng của Việt Nam trong tích hợp AI vào giảng dạy ngôn ngữ xét trên ba thành tố chính sách, thực tiễn triển khai và khung năng lực số. Việc lấp đầy khoảng trống này là cần thiết để giúp Việt Nam xác định vị thế trong dòng chảy toàn cầu và xây dựng chiến lược phát triển giáo dục ngôn ngữ phù hợp với điều kiện bản địa.

Nhìn tổng thể, sự phát triển của AI trong giáo dục ngày nay thể hiện rõ ba xu hướng nổi bật: (1) chuyển đổi từ mô hình dạy học truyền thống sang học tập dựa trên dữ liệu, (2) thúc đẩy cá nhân hóa và sáng tạo nội dung học tập, và (3) hội nhập giữa công nghệ, ngôn ngữ, sư phạm. Những xu hướng này không chỉ định hình lại hệ sinh thái giáo dục toàn cầu mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, phải xây dựng chiến lược quốc gia về AI trong giáo dục, đặc biệt trong giảng dạy ngôn ngữ lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất từ các công cụ AI tạo sinh (Bộ GD&ĐT, 2022; GEM Report, 2023). Có thể khẳng định rằng, AI trong giáo dục đã trở thành xu thế không thể đảo ngược. Nó không chỉ đơn thuần là công cụ hỗ trợ, mà là nền tảng tái cấu trúc toàn bộ phương thức học tập và giảng dạy trong thời đại số. Đối với Việt Nam, việc nhận diện đúng xu hướng, tận dụng cơ hội và kiểm soát thách thức của AI sẽ là yếu tố quyết định cho khả năng hội nhập và phát triển giáo dục ngôn ngữ trong tương lai.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, dựa trên tổng hợp dữ liệu thứ cấp kết

hợp phân tích chủ đề nhằm phân tích tác động của AI đối với giáo dục ngôn ngữ từ xu hướng toàn cầu đến bối cảnh Việt Nam.

Thứ nhất, tổng hợp và lựa chọn dữ liệu nghiên cứu. Nguồn dữ liệu bao gồm các bài báo khoa học, báo cáo chính sách quốc tế và văn bản quản lý giáo dục trong nước được công bố trong giai đoạn 2019–2024. Các tài liệu được lựa chọn theo các tiêu chí: (i) liên quan trực tiếp đến AI trong dạy, học hoặc đánh giá ngôn ngữ; (ii) có giá trị học thuật hoặc giá trị tham chiếu chính sách; và (iii) không trùng lặp hoặc mang tính mô tả thuần túy. Những tài liệu không gắn với giảng dạy ngôn ngữ hoặc chỉ đề cập chung đến AI trong giáo dục được loại khỏi tập phân tích.

Thứ hai, phân tích lý thuyết và chính sách giáo dục. Phân tích lý thuyết được sử dụng để hệ thống hóa các khái niệm và cách tiếp cận chủ đạo về mối quan hệ giữa AI và giảng dạy ngôn ngữ, qua đó làm rõ vai trò của AI trong đổi mới phương pháp dạy–học, đánh giá năng lực người học và cá nhân hóa học tập. Song song với đó, phân tích chính sách được tiến hành nhằm đánh giá mức độ tích hợp AI trong chiến lược chuyển đổi số giáo dục tại Việt Nam, thông qua việc xem xét các văn bản trọng điểm như Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) và Quyết định số 131/QĐ-TTg (2022), đồng thời đối chiếu với các khuyến nghị của OECD và UNESCO.

Thứ ba, so sánh quốc tế các mô hình ứng dụng AI trong giảng dạy ngôn ngữ. Phương pháp so sánh quốc tế được áp dụng để đối chiếu kinh nghiệm triển khai AI trong giảng dạy ngôn ngữ tại một số quốc gia tiêu biểu như Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Singapore. Việc lựa chọn các trường hợp này dựa trên các tiêu chí về chính sách AI giáo dục, hệ sinh thái công nghệ giáo dục và cơ chế đảm bảo đạo đức, an toàn dữ liệu người học, qua đó rút ra các bài học có giá trị tham chiếu cho Việt Nam.

Thứ tư, phân tích chủ đề. Phân tích chủ đề được thực hiện trên tập hợp dữ liệu thứ cấp đã lựa chọn theo quy trình gồm ba bước: (i) mã hóa mở (open coding) nhằm xác định các khái niệm và vấn đề cốt lõi; (ii) mã hóa trục để nhóm các mã tương đồng và thiết lập mối liên hệ giữa các chủ đề; và (iii) hình thành các chủ đề trọng tâm, bao gồm đổi mới dạy học và đánh giá năng lực ngôn ngữ, phát triển năng lực số và năng lực AI cho giáo viên và người học, cũng như các vấn đề đạo đức, công bằng và quản trị trong ứng dụng AI.

Cách tiếp cận phương pháp này giúp đảm bảo tính hệ thống, minh bạch và khả năng tái lập của nghiên cứu, đồng thời tạo cơ sở khoa học cho việc phân tích kết quả và đề xuất các hàm ý chính sách, sự phạm và nghiên cứu đối với giảng dạy ngôn ngữ trong bối cảnh Việt Nam.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Trí tuệ nhân tạo và giảng dạy ngôn ngữ trong hệ thống giáo dục toàn cầu

3.1.1. AI tạo sinh và sự tái định nghĩa quá trình dạy và học

Sự phát triển của Trí tuệ Nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence – Generative AI) đã tạo nên một làn sóng đổi mới sâu rộng trong giáo dục toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy và học ngôn ngữ, nơi giao thoa giữa công nghệ, tri nhận và văn hoá diễn ra mạnh mẽ nhất. Kể từ khi công cụ ChatGPT ra mắt vào năm 2022, cùng với sự xuất hiện của Gemini (Google) và Copilot (Microsoft), giáo dục thế giới đã bước vào một giai đoạn mới giai đoạn mà công nghệ không chỉ hỗ trợ việc học, mà còn tham gia kiến tạo tri thức ngôn ngữ cùng con người (Grassini, 2023; Lo, 2023).

Theo UNESCO Courier (2023a), AI tạo sinh đã “tái định hình căn bản tiến trình dạy và học” thông qua việc cho phép người học tương tác với tri thức theo cách tự nhiên, cá nhân hoá và sáng

tạo hơn. Đặc biệt, trong giảng dạy ngôn ngữ, AI đóng vai trò như “đối tác hội thoại” (conversational partner), giúp người học luyện kỹ năng giao tiếp, phản hồi ngôn ngữ, và mô phỏng các tình huống thực tế điều mà lớp học truyền thống khó có thể tái hiện hoàn toàn. Chính sự dịch chuyển từ “học qua ghi nhớ” sang “học qua tương tác thông minh” đang tái định nghĩa vai trò của người học ngôn ngữ trong thế kỷ XXI. Tuy nhiên, UNESCO cũng cảnh báo về tốc độ “tích hợp khủng khiếp” của các công cụ AI vào môi trường học tập mà chưa có sự chuẩn bị về mặt chính sách, đạo đức và khung năng lực số (Giannini, 2023). Tính đến tháng 12/2023, ChatGPT đạt 180,5 triệu người dùng hàng tháng với hơn 1,6 tỉ lượt truy cập (TechCrunch, 2023). Sự phổ cập này không chỉ cho thấy tốc độ lan tỏa của công nghệ, mà còn đặt ra câu hỏi: làm thế nào để đảm bảo rằng AI được khai thác đúng mục đích trong các bối cảnh giáo dục khác nhau, đặc biệt là trong giảng dạy ngôn ngữ lĩnh vực vốn đòi hỏi yếu tố văn hóa, cảm xúc và tư duy phản biện cao.

Các nhà nghiên cứu (Dimitriadou & Lanitis, 2023; OECD, 2023) cho rằng sự hiện diện của AI tạo sinh đang làm thay đổi bản chất mối quan hệ giữa người dạy và người học. Trong lớp học ngôn ngữ truyền thống, giáo viên đóng vai trò trung tâm trong việc truyền đạt tri thức và hiệu chỉnh ngữ pháp. Nhưng với các công cụ AI hội thoại, người học có thể thực hành ngôn ngữ qua tương tác tức thời, nhận phản hồi tức thì về phát âm, cấu trúc cú pháp và ngữ dụng. Nhờ đó, năng lực ngôn ngữ được phát triển theo hướng cá nhân hoá và mang tính trải nghiệm, phù hợp với lý thuyết “học tập kiến tạo”. Sự xuất hiện của các công cụ như ChatGPT, Duolingo Max, ELSA Speak hay GrammarlyGO đang chứng minh rằng AI không chỉ là phương tiện hỗ trợ, mà là một hình thức “đồng kiến tạo ngôn ngữ”. Người học không còn là người tiếp nhận thụ động mà trở thành người cùng tham gia kiến tạo nghĩa, sử dụng AI như

một công cụ thực hành, phản biện và làm giàu vốn ngôn ngữ. Đây chính là biểu hiện rõ nhất của cách tiếp cận liên ngành, khi công nghệ, ngôn ngữ học ứng dụng và giáo dục giao thoa, hình thành một mô hình học tập mới AI-enhanced language education.

3.1.2. Lợi ích và thách thức của AI đối với hệ thống giáo dục toàn cầu và giáo dục ngôn ngữ

Lợi ích của AI đối với hệ thống giáo dục toàn cầu

Trên phạm vi toàn cầu, AI đang mang đến những lợi ích đột phá cho giáo dục:

Thứ nhất, khả năng mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục. Các công cụ AI và nền tảng học tập trực tuyến như Coursera, Khan Academy, hay FutureLearn giúp hàng triệu người ở những khu vực khó khăn có thể tiếp cận bài giảng bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau, bao gồm cả tiếng Anh, Pháp, Việt và Ả Rập (UNESCO, 2021). Trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, AI tạo ra các môi trường học ảo có thể tùy chỉnh ngôn ngữ, cấp độ và mục tiêu học tập, qua đó xóa nhòa ranh giới ngôn ngữ và văn hoá trong giáo dục.

Thứ hai, AI thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng cá nhân hóa học tập. Nhờ khả năng phân tích dữ liệu người học, AI có thể thiết kế lộ trình học ngôn ngữ phù hợp với năng lực, sở thích và tiến độ của từng cá nhân. ChatGPT và Gemini có thể giúp giáo viên xây dựng giáo án phân hóa, trong khi các ứng dụng như ELSA hay Speak sử dụng phân tích giọng nói để đưa ra phản hồi chi tiết, giúp người học cải thiện phát âm, ngữ điệu và tự tin giao tiếp (Sok & Heng, 2023). Điều này đánh dấu bước chuyển từ “dạy đại trà” sang “học tập cá nhân hóa toàn diện”, phù hợp với mô hình giáo dục định hướng năng lực.

Thứ ba, AI đang hình thành một văn hoá học tập suốt đời toàn cầu, nơi việc học ngôn ngữ không còn gắn chặt với độ tuổi hay môi trường học thuật. Người học có thể rèn luyện ngôn ngữ trong bối cảnh thực tế ảo, qua đối thoại với

chatbot, hoặc qua các nền tảng thực tế tăng cường (AR/VR). Đây chính là biểu hiện cụ thể của năng lực “tự học kỹ thuật số” mà OECD (2023) xem là yếu tố cốt lõi của công dân toàn cầu.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội ấy là hàng loạt thách thức về đạo đức, công bằng và nhận thức ngôn ngữ. Việc sử dụng AI tạo sinh để viết bài luận, làm bài kiểm tra hoặc dịch thuật có thể dẫn đến sự lệ thuộc công nghệ và làm suy yếu năng lực tư duy ngôn ngữ của người học (King, 2023; Li, 2023). Khoảng cách số giữa các quốc gia phát triển và đang phát triển cũng khiến việc tiếp cận công nghệ học ngôn ngữ thông minh trở nên không đồng đều (Abboud et al., 2020; Bozic, 2023). Ngoài ra, các mô hình AI hiện nay vẫn mang thiên kiến ngôn ngữ (language bias) ưu tiên ngữ liệu tiếng Anh hơn các ngôn ngữ thiểu số, gây mất cân bằng trong việc duy trì đa dạng ngôn ngữ toàn cầu (UNESCO, 2023d). Do đó, để AI thực sự trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả cho giảng dạy ngôn ngữ, UNESCO (2023d) khuyến nghị cần xây dựng khung chính sách toàn cầu về “AI và năng lực ngôn ngữ số”, bảo đảm rằng các hệ thống AI được phát triển có tính bao trùm, minh bạch, tôn trọng sự đa dạng ngôn ngữ và văn hoá. Chỉ khi đó, AI mới có thể góp phần định hình một nền giáo dục ngôn ngữ nhân văn, sáng tạo và bền vững nơi con người và công nghệ cùng phát triển tri thức.

Thách thức từ trí tuệ nhân tạo mà hệ thống giáo dục toàn cầu

Bên cạnh những lợi ích rõ rệt, sự phổ cập nhanh chóng của AI cũng đặt hệ thống giáo dục toàn cầu trước nhiều thách thức sâu sắc, không chỉ về mặt kỹ thuật, mà còn về đạo đức, công bằng xã hội và triết lý giáo dục. Trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, các thách thức này càng trở nên phức tạp do đặc thù của ngôn ngữ là công cụ tư duy, văn hoá và bản sắc. Việc ứng dụng AI nếu thiếu định hướng nhân văn có thể dẫn đến sự công nghiệp hoá tri thức ngôn ngữ, làm suy yếu

tính sáng tạo, tính nhân văn và khả năng phản hồi từ của người học. Một trong những thách thức nghiêm trọng nhất là khoảng cách số (digital divide) ngày càng mở rộng giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ và nhóm xã hội. Như Li (2023) và Abboud, Arya & Pandi (2020) chỉ ra, AI đang vô tình gia tăng chênh lệch về cơ hội học tập giữa các nhóm có và không có khả năng tiếp cận công nghệ. Ở các quốc gia phát triển, nơi cơ sở hạ tầng số vững mạnh, học sinh có thể tiếp cận các công cụ học tập thông minh và tài nguyên ngôn ngữ chất lượng cao. Trong khi đó, tại các nước đang phát triển, việc thiếu thiết bị, đường truyền và kỹ năng số khiến người học khó có cơ hội tiếp cận các mô hình AI hiện đại, dẫn đến bất bình đẳng tri thức và ngôn ngữ (Bozic, 2023). Khoảng cách này không chỉ thể hiện ở khả năng truy cập công nghệ, mà còn ở mức độ sử dụng AI có ý nghĩa (meaningful use), tức khả năng hiểu, khai thác và đánh giá nội dung mà AI cung cấp.

Thách thức thứ hai liên quan đến đạo đức trong môi trường AI và tính toàn vẹn học thuật. Các công cụ AI tạo sinh hiện nay, dù hữu ích, nhưng quy trình thu thập và xử lý dữ liệu của chúng thường thiếu minh bạch. Nhiều mô hình AI được “huấn luyện” trên kho dữ liệu khổng lồ (big data) mà nguồn gốc không rõ ràng, đôi khi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc bản quyền học thuật (Akgun & Greenhow, 2021). Đặc biệt trong giáo dục ngôn ngữ, AI có thể tái sản xuất nội dung thiên lệch văn hoá, hoặc làm lu mờ sự đa dạng ngôn ngữ khi ưu tiên tiếng Anh ngôn ngữ chiếm ưu thế trong kho dữ liệu huấn luyện (UNESCO, 2023d). Ngoài ra, khi người học sử dụng ChatGPT hay Copilot để tạo bài viết hoặc bản dịch, ranh giới giữa học tập sáng tạo và đạo văn công nghệ trở nên mờ nhạt, đặt ra yêu cầu cấp thiết về “đạo đức học tập số” trong giảng dạy ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, vấn đề bảo mật và quản lý dữ liệu cá nhân cũng là mối quan ngại lớn. Các công

cụ AI học từ dữ liệu người dùng, bao gồm thói quen, ngôn ngữ và thậm chí là nội dung cá nhân hoá trong quá trình học tập. Theo OECD (2023), việc hàng trăm triệu dữ liệu cá nhân được sử dụng để huấn luyện các mô hình AI mà không có sự đồng ý rõ ràng của người dùng đang làm dấy lên lo ngại về quyền riêng tư và an toàn thông tin. Trong môi trường học ngôn ngữ, điều này đặc biệt nghiêm trọng khi dữ liệu giọng nói, bản ghi âm hoặc đoạn hội thoại của người học có thể bị thu thập, phân tích và tái sử dụng mà họ không hề biết. UNESCO (2023c) đã cảnh báo rằng nếu không có cơ chế bảo vệ dữ liệu mạnh mẽ, việc ứng dụng AI trong lớp học ngôn ngữ có thể dẫn đến sự “xâm nhập thầm lặng” vào đời sống riêng tư của người học.

Một thách thức khác không thể bỏ qua là tính chính xác và trung thực của nội dung do AI cung cấp. Các mô hình như ChatGPT, Gemini hay Copilot được huấn luyện từ nguồn dữ liệu mở, trong đó có nhiều thông tin chưa được kiểm chứng, mang định kiến hoặc phản ánh quan điểm thiên lệch về văn hoá và chính trị (Dimitriadou & Lanitis, 2023). Trong bối cảnh giáo dục ngôn ngữ, điều này có thể dẫn đến việc người học tiếp thu những cấu trúc, cách diễn đạt hoặc ý nghĩa sai lệch. Việc liên tục nhận thông tin không chính xác không chỉ “ô nhiễm” dữ liệu giáo dục (Bozic, 2023), mà còn ảnh hưởng đến năng lực phản biện ngôn ngữ (linguistic criticality) một năng lực cốt lõi trong dạy và học ngôn ngữ hiện đại.

Từ góc độ liên ngành, các thách thức nêu trên không chỉ thuộc phạm vi kỹ thuật, mà còn phản ánh sự va chạm giữa triết lý nhân văn và công nghệ trong giáo dục. Nếu giáo dục coi ngôn ngữ là phương tiện hình thành nhân cách, thì AI lại vận hành theo logic dữ liệu nơi ngôn ngữ bị quy giản thành các mẫu lặp, xác suất và đầu ra thống kê. Do đó, nhiệm vụ của giáo dục thế kỷ XXI không chỉ là ứng dụng AI, mà còn là giáo

dục con người biết cách sống cùng AI, sử dụng AI để phát triển tư duy ngôn ngữ và giá trị nhân văn chứ không bị chi phối bởi nó. UNESCO (2023d) khuyến nghị rằng, mọi quốc gia cần phát triển khung năng lực ngôn ngữ số (Digital Language Competence Framework) cho giáo viên và người học, nhằm đảm bảo rằng việc sử dụng AI trong giảng dạy ngôn ngữ luôn đặt con người ở trung tâm một nền giáo dục “vì con người”, chứ không “bởi máy móc”.

3.1.3. Chính sách toàn cầu về quản lý trí tuệ nhân tạo trong giáo dục

Sự bùng nổ của các công cụ AI tạo sinh đã khiến việc xây dựng chính sách quản lý AI trong giáo dục trở thành một ưu tiên chiến lược trên phạm vi toàn cầu. Ngay từ trước đại dịch COVID-19, UNESCO và nhiều tổ chức quốc tế khác đã cảnh báo về việc chuẩn bị năng lực số cho giáo viên và người học trong kỷ nguyên công nghệ thay đổi nhanh chóng (UNESCO, 2019). Tuy nhiên, kể từ sau khi các công cụ như ChatGPT, Gemini hay Copilot ra đời, vấn đề quản trị AI trong giáo dục không chỉ mang tính dự báo, mà đã trở thành một yêu cầu khẩn cấp. Báo cáo Guidance for Generative AI in Education (UNESCO, 2023a) nhấn mạnh rằng, chỉ thông qua các chính sách quản lý thận trọng, có trách nhiệm và nhân văn, các quốc gia mới có thể tận dụng được tiềm năng to lớn của AI mà không đánh mất bản chất nhân học của giáo dục. Trên cơ sở Hội nghị Quốc tế về Trí tuệ Nhân tạo và Giáo dục (AIED 2019) với sự tham gia của hơn 100 quốc gia, UNESCO đã đề xuất bảy nhóm khuyến nghị chính sách nhằm định hướng các chính phủ và cơ sở giáo dục trong việc quản lý, triển khai và đánh giá AI trong giáo dục. Những khuyến nghị này không chỉ tập trung vào khía cạnh kỹ thuật, mà còn phản ánh tư duy liên ngành giữa công nghệ, chính sách, con người, ngôn ngữ, cho thấy AI đang định hình lại toàn bộ hệ sinh thái học tập toàn cầu.

Thứ nhất, UNESCO khẳng định rằng mọi kế hoạch tích hợp AI vào giáo dục cần phù hợp với đặc điểm xã hội, văn hoá và trình độ phát triển của từng quốc gia (UNESCO, 2019). Điều này có nghĩa là, thay vì sao chép mô hình công nghệ từ các quốc gia tiên tiến, mỗi hệ thống giáo dục cần phát triển chiến lược riêng dựa trên đặc thù ngôn ngữ, văn hoá và nhu cầu học tập bản địa. Với lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ, đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng: việc triển khai AI để dạy tiếng Anh ở Việt Nam, hay tiếng Việt cho người nước ngoài, đòi hỏi sự điều chỉnh phù hợp với bản sắc ngôn ngữ văn hoá và năng lực công nghệ địa phương (Nguyen & Le, 2024).

Thứ hai, UNESCO (2023b) nhấn mạnh tầm quan trọng của năng lực giáo viên trong môi trường học tập giàu AI. Giáo viên cần được trang bị kiến thức để sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ chứ không phải thay thế người dạy, đồng thời hiểu rõ các nguyên tắc đạo đức và giới hạn của công nghệ. Trong giảng dạy ngôn ngữ, điều này có ý nghĩa đặc biệt vì giáo viên không chỉ dạy kiến thức ngôn ngữ mà còn truyền tải giá trị văn hoá và nhân văn điều mà máy móc chưa thể đảm nhiệm. Việc đào tạo giáo viên trở thành “người kiến tạo cùng AI” (AI co-designer of learning experiences) sẽ là hướng đi trọng tâm của chính sách giáo dục hiện đại (OECD, 2023).

Thứ ba, UNESCO đề xuất quản lý việc sử dụng AI trong đánh giá học tập để bảo đảm tính công bằng, minh bạch và hướng đến sự phát triển toàn diện của người học (UNESCO, 2023c). Các công cụ AI có thể phân tích dữ liệu học tập, hỗ trợ chấm điểm tự động và phát hiện xu hướng năng lực, song chúng cần được giám sát chặt chẽ để tránh việc thiên vị ngôn ngữ hoặc văn hoá. Trong giáo dục ngôn ngữ, nguy cơ này hiện hữu khi các mô hình AI đánh giá khả năng viết hay nói của người học dựa trên “chuẩn Anh Mỹ”, mà không tôn trọng sự đa dạng phương ngữ hoặc biến thể ngữ dụng của người học quốc tế (Li,

2023). Một khía cạnh khác được UNESCO nhấn mạnh là mối liên hệ giữa AI, thị trường lao động và kỹ năng tương lai. AI không chỉ thay đổi cách con người học, mà còn thay đổi cách con người làm việc. Do đó, các quốc gia cần nhanh chóng tích hợp kỹ năng liên quan đến AI và năng lực ngôn ngữ số Digital Language Literacy vào chương trình học chính quy (UNESCO, 2023d). Trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng, điều này có thể bao gồm việc dạy người học biết cách sử dụng AI để viết học thuật, biên dịch tự động, và giao tiếp đa ngữ trong môi trường số toàn cầu. Đây là biểu hiện của “giáo dục liên ngành thế hệ mới” nơi ngôn ngữ, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp kết nối chặt chẽ. Ngoài ra, UNESCO (2023e) cũng đề xuất một thành tố quan trọng: thúc đẩy học tập suốt đời thông qua AI. Việc xây dựng hồ sơ học tập số cá nhân (learning portfolio) giúp người học theo dõi tiến trình và mục tiêu học tập, đồng thời tạo điều kiện để người cao tuổi, người khuyết tật hoặc nhóm yếu thế có cơ hội tiếp cận giáo dục mọi lúc, mọi nơi. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, điều này góp phần dân chủ hoá việc học ngôn ngữ, cho phép người học tiếp cận tri thức đa văn hoá mà không bị giới hạn bởi vị trí địa lý hay thời gian.

Thứ tư, UNESCO khuyến nghị tăng cường nghiên cứu, giám sát và đánh giá tác động của AI trong giáo dục. Dù AI đã được ứng dụng rộng rãi, nhưng vẫn còn thiếu các công trình có hệ thống đánh giá hiệu quả, rủi ro và ảnh hưởng của công nghệ này đến kỹ năng tư duy, sáng tạo, và ngôn ngữ (Dimitriadou & Lanitis, 2023). Việc thúc đẩy nghiên cứu liên ngành giữa công nghệ giáo dục ngôn ngữ học là cơ sở để hình thành chính sách bền vững, tránh xu hướng chạy theo công nghệ mà bỏ quên bản chất nhân văn của việc học.

Tựu trung, các chính sách quốc tế về AI trong giáo dục đều hướng đến một nguyên tắc chung: AI phải phục vụ con người, chứ không

thay thế con người. Trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, điều đó có nghĩa là sử dụng AI để mở rộng khả năng giao tiếp, nâng cao năng lực ngôn ngữ số và thúc đẩy sự đa dạng văn hoá, chứ không làm mờ nhạt giá trị bản sắc của các ngôn ngữ dân tộc. Đó cũng chính là mục tiêu mà các chính sách toàn cầu đang hướng tới một nền giáo dục nhân văn, sáng tạo, và hòa hợp giữa trí tuệ con người và trí tuệ nhân tạo.

3.1.4. Tổng quan chương trình giảng dạy AI trong giáo dục phổ thông và khung năng lực AI

Chương trình giảng dạy AI trong giáo dục phổ thông

Trong thập niên vừa qua, AI đã trở thành một trong những động lực trung tâm của đổi mới giáo dục toàn cầu. Nhằm đảm bảo thế hệ học sinh có năng lực thích ứng trong xã hội kỹ thuật số, nhiều quốc gia đã chủ động tích hợp nội dung AI vào chương trình giáo dục phổ thông như một phần của chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Báo cáo AI Curriculum for Schools (UNESCO, 2022) đã tổng hợp hơn 30 chương trình giảng dạy chính thức, cho thấy xu hướng nhất quán: AI không còn được xem là lĩnh vực riêng biệt của khoa học máy tính, mà là một năng lực nền tảng trong giáo dục công dân thế kỷ XXI.

Các quốc gia tiên phong như Áo, Trung Quốc, Hàn Quốc và Ấn Độ đã phát triển chương trình AI được công nhận ở cấp quốc gia và triển khai tại nhiều cấp học khác nhau. Ở Áo, chương trình “Data Science and Artificial Intelligence” do Bộ Giáo dục, Khoa học và Nghiên cứu phụ trách được đưa vào giảng dạy từ bậc trung học cơ sở đến trung học phổ thông, tập trung phát triển tư duy dữ liệu và khả năng phân tích thông tin bằng công nghệ. Tại Trung Quốc, AI được tích hợp vào chương trình Công nghệ Thông tin Quốc gia, cho phép học sinh làm quen sớm với lập trình, thuật toán và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo ngay từ bậc tiểu học. Ấn Độ triển khai mô-đun “Atal Tinker Labs”, khuyến khích học sinh trung

học tham gia các dự án sáng tạo liên quan đến AI và robotics. Trong khi đó, Hàn Quốc kết hợp AI vào hai lĩnh vực là Toán học và Công nghệ, tạo thành hệ thống “AI Mathematics” và “AI Basics” nhằm giúp học sinh hiểu cách AI vận hành thông qua các mô hình toán học, đồng thời rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn.

Ngoài các quốc gia châu Á, châu Âu cũng thể hiện xu hướng tích hợp AI theo hướng liên ngành. Bỉ và Bồ Đào Nha là hai ví dụ tiêu biểu: AI được lồng ghép vào môn Công nghệ Thông tin và Truyền thông (ICT), với trọng tâm là phát triển năng lực đọc hiểu dữ liệu, tư duy phản biện và giao tiếp trong môi trường số. Đức, Jordan, Bulgaria và Ả Rập Xê Út cũng đang trong quá trình xây dựng chương trình giảng dạy AI, tập trung vào phát triển kỹ năng số và năng lực lập trình cơ bản cho học sinh phổ thông. Việc này cho thấy một sự chuyển dịch rõ rệt từ “giáo dục công nghệ” sang “giáo dục năng lực AI” nơi học sinh không chỉ học cách sử dụng công nghệ mà còn hiểu, phân tích và sáng tạo với công nghệ.

Điểm chung trong các chương trình này là sự nhấn mạnh đến cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, nơi AI đóng vai trò hỗ trợ giáo viên, chứ không thay thế họ. UNESCO (2023a) khuyến nghị rằng việc tích hợp AI vào dạy học cần hướng tới phát triển năng lực học tập suốt đời, khuyến khích học sinh hình thành thói quen tự học và khám phá sáng tạo. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong giáo dục ngôn ngữ, khi AI có thể hỗ trợ người học qua các công cụ tạo sinh, luyện phát âm, hoặc mô phỏng giao tiếp trong môi trường đa ngữ. Từ đó, AI không chỉ là công cụ kỹ thuật, mà trở thành môi trường ngôn ngữ tương tác, giúp người học phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện và năng lực diễn đạt sáng tạo.

Khung năng lực AI trong giáo dục phổ thông và định hướng liên ngành

Bên cạnh việc triển khai chương trình giảng

dạy, UNESCO (2023b) và OECD (2023) đã đề xuất Khung năng lực AI cho học sinh phổ thông (AI Competency Framework for Schools), trong đó xác định bốn thành tố chính: (1) Hiểu biết về AI (AI Literacy) nhận thức về nguyên lý, thuật toán và tác động xã hội của AI; (2) Kỹ năng sử dụng AI (AI Application Skills) năng lực sử dụng công cụ AI để giải quyết vấn đề học tập và sáng tạo tri thức; (3) Đạo đức và công dân số (AI Ethics and Citizenship) khả năng đánh giá, phản biện và hành xử có trách nhiệm với công nghệ; và (4) Tư duy sáng tạo với AI (AI-Driven Creativity) năng lực hợp tác giữa con người và máy để tạo ra sản phẩm hoặc ý tưởng mới. Đối với giáo dục ngôn ngữ, UNESCO mở rộng thêm khái niệm “AI-Mediated Communication”, nhấn mạnh vai trò của AI trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp, viết học thuật và tư duy phản biện thông qua tương tác với máy (Grassini, 2023; Lo, 2023). Ở đây, ngôn ngữ không chỉ được dạy như một hệ thống ký hiệu, mà được xem là công cụ tương tác thông minh giữa con người và AI, giúp người học phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong môi trường kỹ thuật số toàn cầu.

Từ góc nhìn chính sách, khung năng lực này cũng đề xuất định hướng đào tạo giáo viên trong môi trường giáo dục giàu AI. Giáo viên cần được trang bị kiến thức để hiểu rõ cơ chế hoạt động của các công cụ tạo sinh, nhận diện thiên kiến dữ liệu, đồng thời hướng dẫn học sinh sử dụng AI một cách sáng tạo và có trách nhiệm. Trong giảng dạy ngôn ngữ, điều này thể hiện qua việc thiết kế hoạt động học tập với AI như sử dụng ChatGPT để mô phỏng hội thoại, tạo phản hồi ngữ pháp tức thời, hoặc khuyến khích học sinh viết sáng tạo dựa trên đề gợi mở của AI. Như vậy, các chương trình giảng dạy AI trên thế giới đang chuyển từ “giáo dục công nghệ” sang “giáo dục nhân văn kỹ thuật số”, nơi công nghệ được tích hợp với đạo đức, ngôn ngữ và văn hóa. Đây chính là nền tảng để Việt Nam trong tương lai xây dựng chương trình “Giáo dục AI và Ngôn ngữ số” phù hợp với định

hướng chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm rằng AI không thay thế con người, mà đồng hành cùng con người trong việc mở rộng khả năng tư duy, ngôn ngữ và sáng tạo.

3.2. Trí tuệ nhân tạo và giảng dạy ngôn ngữ trong bối cảnh Việt Nam

3.2.1. Chính sách quốc gia và định hướng chuyển đổi số trong giáo dục

Với gần 99,5 triệu dân thuộc 54 dân tộc, trong đó nhóm dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14,7%, Việt Nam từ lâu đã xem công nghệ là đòn bẩy để thu hẹp khoảng cách giáo dục và nâng cao cơ hội tiếp cận tri thức (Nguyen, 2022). Trong hai thập kỷ qua, Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong giáo dục, tiêu biểu như Quyết định số 749/QĐ-TTg (2020) phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng 2030, và Quyết định số 131/QĐ-TTg (2022) về Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030. Đáng chú ý, Quyết định số 4153/QĐ-BGDĐT (2025) về Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm 2025 đã lần đầu tiên xác định rõ yêu cầu đẩy mạnh tích hợp trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy, học tập và đánh giá tại các cơ sở giáo dục. Chính sách này đóng vai trò như một bước hoàn thiện quan trọng của khung pháp lý hiện hành, bổ sung và mở rộng định hướng của Quyết định 131/QĐ-TTg (2022), đồng thời tạo điều kiện để AI được triển khai có hệ thống trong thực tiễn lớp học đặc biệt trong giáo dục ngôn ngữ, lĩnh vực có nhu cầu cao về cá nhân hóa, phản hồi tức thời và tương tác thông minh. Nhìn tổng thể, các chính sách trên thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc “tận dụng tiến bộ công nghệ để đổi mới sáng tạo phương thức dạy và học, xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt và thích ứng trên nền tảng số”, qua đó đặt nền tảng quan trọng cho quá trình tích hợp

AI vào giáo dục ngôn ngữ trong thời gian tới.

Những chính sách này đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thể hiện qua tỷ lệ hoàn thành phổ cập tiểu học đạt 98,3% và trung học cơ sở đạt 80,5% năm 2020, tăng mạnh so với năm 2016 (Ministry of Education and Training [MOET], 2021). Tuy nhiên, bước sang kỷ nguyên Trí tuệ Nhân tạo, chuyển đổi số không chỉ dừng ở việc số hóa tài liệu hay hạ tầng công nghệ, mà đang tiến đến chuyển đổi nhận thức trong cách học, cách dạy và cách đánh giá tri thức. Đây là giai đoạn mà giáo dục Việt Nam phải dịch chuyển từ “học để biết” sang “học để thích ứng” từ việc truyền đạt tri thức sang phát triển năng lực tư duy sáng tạo và phản biện trong bối cảnh AI chi phối mạnh mẽ đời sống học tập.

3.2.2. Tác động của AI đối với chương trình học

Sự xuất hiện của AI đang buộc hệ thống giáo dục Việt Nam phải xem xét lại cấu trúc chương trình học và mục tiêu đào tạo công dân tương lai. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (World Economic Forum, 2023) dự báo đến năm 2030, các lĩnh vực như khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, sản xuất nội dung số và marketing sẽ chiếm vị trí trung tâm trong thị trường lao động, trong khi các nghề có tính lặp lại cao như kế toán, giáo viên hay kiểm toán sẽ suy giảm đáng kể. Điều này cho thấy giá trị cốt lõi của giáo dục trong kỷ nguyên AI không còn nằm ở việc ghi nhớ kiến thức, mà ở khả năng tư duy, sáng tạo và thích ứng liên ngành. Đối với Việt Nam, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã bước đầu thể hiện sự mở trong việc trao quyền cho giáo viên tự lựa chọn nội dung cập nhật theo xu hướng mới. Tuy nhiên, để hội nhập sâu với dòng chảy toàn cầu, chương trình học cần tiến tới tích hợp năng lực AI, tư duy dữ liệu và năng lực ngôn ngữ số, những yếu tố giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ và công nghệ như công cụ học tập, sáng tạo và giao tiếp toàn cầu. Trong lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ, điều này mở ra hướng đi mới: học sinh không chỉ học tiếng

Anh hay tiếng Việt như môn học, mà còn học cách vận dụng AI trong đọc hiểu, viết, học thuật, giao tiếp đa ngữ và biên dịch tự động (Pham & Tran, 2024). Việc thiết kế chương trình học tích hợp AI trong giảng dạy ngôn ngữ cũng giúp hình thành thể hệ “người học lai kỹ thuật nhân văn” (Hybrid Humanist Learners), vừa am hiểu ngôn ngữ, vừa có năng lực công nghệ. Đây là định hướng phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực số của Việt Nam đến năm 2030 (Vietnamese Government, 2022).

3.2.3. Tác động của AI đối với quá trình dạy và học.

Một đặc điểm nổi bật của giáo dục Việt Nam là mô hình dạy học truyền thống, trong đó giáo viên giữ vai trò trung tâm truyền thụ kiến thức. Tuy nhiên, sự phát triển của AI tạo sinh như ChatGPT, Gemini hay Copilot đang làm thay đổi căn bản vai trò của người dạy và người học. Học sinh có thể tra cứu, luyện kỹ năng ngôn ngữ, viết luận hoặc mô phỏng hội thoại ngay tức thì; trong khi giáo viên có thể sử dụng AI để cá nhân hóa nội dung học, tạo phản hồi tự động và phân tích năng lực học sinh. Điều này đặt ra yêu cầu mới: giáo viên không chỉ cần kỹ năng sư phạm, mà còn phải trở thành người hướng dẫn trong môi trường học tập có sự đồng hành của AI. UNESCO (2023) nhấn mạnh rằng AI có thể thay thế vai trò của giáo viên trong các giai đoạn “học để biết” và “học để làm”, nhưng vẫn không thể thay thế con người trong hai thành tố “học để chung sống” và “học để khẳng định mình”. Ở Việt Nam, điều này đồng nghĩa với việc giáo viên cần được đào tạo để phát triển kỹ năng nhân văn, tư duy đạo đức và khả năng sử dụng AI như công cụ sư phạm sáng tạo đặc biệt trong dạy học ngôn ngữ, nơi tương tác và cảm xúc là yếu tố then chốt. AI cũng có thể trở thành công cụ nâng cao năng lực ngôn ngữ cho người học ở vùng dân tộc thiểu số thông qua dịch tự động, học liệu song ngữ và trợ lý học tập thông minh. Đây là cơ hội để Việt Nam thực

hiện mục tiêu công bằng trong tiếp cận tri thức, đồng thời bảo tồn bản sắc ngôn ngữ văn hóa thông qua công nghệ.

Tại Việt Nam, quá trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục ngôn ngữ không chỉ diễn ra ở cấp độ chính sách mà đã hình thành nhiều mô hình triển khai thực tiễn trong nhà trường. Ở bậc đại học, Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh đã thí điểm hệ thống chấm điểm kỹ năng nói tiếng Anh dựa trên AI nhằm cải thiện độ khách quan và tốc độ phản hồi cho người học (Ho Chi Minh City University of Technology, 2023). Tương tự, Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội ứng dụng AI tạo sinh trong phản hồi bài viết học thuật, cho phép sinh viên nhận góp ý tức thời về cấu trúc, lập luận và ngữ pháp (University of Languages and International Studies, 2024). Ở bậc phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thử nghiệm công cụ dịch thuật dựa trên AI nhằm hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số tiếp cận học liệu song ngữ một cách thuận lợi hơn (Ministry of Education and Training, 2023). Bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp EdTech trong nước cũng phát triển mạnh mẽ: các nền tảng như ELSA Speak, VioEdu hay AIO tích hợp công nghệ nhận dạng giọng nói, phân tích lỗi phát âm và AI tạo sinh để cá nhân hóa lộ trình luyện nói và luyện viết (ELSA Corp, 2023; VioEdu, 2023). Những minh chứng này cho thấy AI không chỉ mang tính tiềm năng mà đang từng bước tái cấu trúc hoạt động dạy học ngôn ngữ tại Việt Nam, nâng cao mức độ cá nhân hóa, độ chính xác của phản hồi và mở rộng cơ hội tiếp cận học tập cho người học.

3.2.4. Tác động của AI đối với kiểm tra và đánh giá

AI đang định hình lại cách thức đánh giá học tập, chuyển từ mô hình chuẩn hóa sang mô hình cá nhân hóa. Các công cụ đánh giá thích ứng (Adaptive Assessment), sử dụng thuật toán AI để điều chỉnh câu hỏi theo năng lực người học, đã

được áp dụng thành công trong các kỳ thi quốc tế như SAT, GRE, hay GMAT (OECD, 2023). Ở Việt Nam, đây là xu hướng mới đang được các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục quan tâm (Nguyen, 2024). Lợi thế của mô hình này là giúp đánh giá toàn diện năng lực tư duy, phản biện và kỹ năng ngôn ngữ của người học, thay vì chỉ đo lường khả năng ghi nhớ. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra thách thức về đạo đức, bảo mật dữ liệu và công bằng học thuật, đặc biệt trong bối cảnh nhiều học sinh có mức độ tiếp cận công nghệ khác nhau giữa các vùng miền. Vì vậy, việc xây dựng khung hướng dẫn quốc gia về đánh giá học tập dựa trên AI là cần thiết để bảo đảm tính minh bạch và công bằng. AI đang từng bước tái định nghĩa cấu trúc và bản chất của giáo dục Việt Nam từ chương trình học, phương pháp dạy và học đến cơ chế đánh giá. Trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ, AI không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn là môi trường học tập mới, nơi năng lực ngôn ngữ và năng lực số cùng phát triển. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa tiềm năng này, Việt Nam cần xây dựng chính sách mang tính hệ thống, kết hợp giữa đổi mới công nghệ và bảo tồn giá trị nhân văn hướng tới một nền giáo dục vừa hiện đại, vừa đậm bản sắc.

3.3. Ý nghĩa và kiến nghị cho Việt Nam

3.3.1. Ý nghĩa

Sự phát triển nhanh chóng của AI, đặc biệt là AI tạo sinh, đang tạo ra những biến đổi mang tính cấu trúc đối với giáo dục toàn cầu, trong đó giáo dục ngôn ngữ là một trong những lĩnh vực chịu tác động trực tiếp, sâu sắc và đa chiều nhất. Ý nghĩa của xu hướng này không chỉ nằm ở việc đổi mới công cụ hay phương thức giảng dạy, mà còn ở sự tái định hình các nền tảng lý luận, mô hình sư phạm và cơ chế quản trị giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ nhất, về phương diện lý luận giáo dục, AI đặt ra yêu cầu xem xét lại các khái niệm truyền thống về dạy và học ngôn ngữ. Việc AI có

khả năng tạo lập, phân tích và phân hồi ngôn ngữ ở mức độ gần với năng lực con người đã làm mờ ranh giới giữa người học, người dạy và công cụ hỗ trợ. Điều này thúc đẩy sự dịch chuyển từ mô hình sư phạm lấy nội dung và người dạy làm trung tâm sang mô hình lấy người học làm trung tâm, dựa trên dữ liệu và cá nhân hóa, trong đó năng lực tự học, tư duy phản biện và năng lực siêu nhận thức trở thành trọng tâm của giáo dục ngôn ngữ. Do đó, AI không chỉ là yếu tố kỹ thuật hỗ trợ mà là một biến số lý luận buộc khoa học giáo dục ngôn ngữ phải tái cấu trúc các khung tiếp cận hiện hành.

Thứ hai, về phương diện sư phạm và đánh giá, AI mở ra khả năng đổi mới căn bản các hình thức đánh giá năng lực ngôn ngữ. Từ đánh giá tĩnh, định kỳ và thiên về sản phẩm, giáo dục ngôn ngữ đang chuyển sang đánh giá quá trình, đánh giá thích ứng và đánh giá dựa trên dữ liệu học tập lớn. Tuy nhiên, chính khả năng này cũng làm gia tăng các rủi ro liên quan đến liêm chính học thuật, tính xác thực của sản phẩm học tập và sự phụ thuộc quá mức vào công nghệ. Vì vậy, ý nghĩa cốt lõi của AI trong giáo dục ngôn ngữ không nằm ở việc thay thế các phương thức đánh giá truyền thống, mà ở việc thúc đẩy sự hình thành các mô hình đánh giá lai, kết hợp giữa năng lực con người và hỗ trợ của công nghệ trên cơ sở các chuẩn mực học thuật rõ ràng.

Thứ ba, về phương diện quản trị giáo dục và chính sách công, AI làm nổi bật vai trò trung tâm của Nhà nước trong việc điều tiết quá trình chuyển đổi số trong giáo dục. Việc ứng dụng AI nếu thiếu khung pháp lý, chuẩn đạo đức và định hướng chính sách thống nhất có thể dẫn đến bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, thiên lệch ngôn ngữ, xâm phạm dữ liệu cá nhân và suy giảm niềm tin xã hội đối với hệ thống giáo dục. Do đó, ý nghĩa quan trọng của AI trong giảng dạy ngôn ngữ nằm ở việc đặt ra yêu cầu xây dựng một mô hình quản trị giáo dục dựa trên công nghệ có

trách nhiệm, trong đó chính sách không chỉ theo sau công nghệ mà phải đóng vai trò định hướng và dẫn dắt.

Thứ tư, xét trong bối cảnh các quốc gia đang cạnh tranh về chất lượng nguồn nhân lực và năng lực hội nhập quốc tế, AI trong giảng dạy ngôn ngữ mang ý nghĩa chiến lược đối với năng lực cạnh tranh quốc gia. Khả năng sử dụng ngoại ngữ gắn với năng lực số và năng lực AI ngày càng trở thành yếu tố cốt lõi của nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống tác động của AI đối với giảng dạy ngôn ngữ không chỉ có ý nghĩa học thuật, mà còn góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển giáo dục và nguồn nhân lực trong dài hạn.

Tóm lại, AI trong giảng dạy ngôn ngữ không đơn thuần là một xu hướng công nghệ, mà là một hiện tượng mang tính chuyển đổi, có ý nghĩa sâu sắc về lý luận giáo dục, thực hành sư phạm và quản trị chính sách. Việc nhận diện đầy đủ các tầng ý nghĩa này là tiền đề khoa học quan trọng để xây dựng các hàm ý và giải pháp phù hợp cho bối cảnh Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi số hiện nay

3.3.2. Kiến nghị cho Việt Nam

Thứ nhất, hàm ý theo cấp độ quản trị. Ở cấp quốc gia, việc tích hợp AI trong giảng dạy ngôn ngữ đòi hỏi một khung chính sách thống nhất và có tính hệ thống, trong đó xác định rõ các chuẩn năng lực AI gắn với năng lực ngôn ngữ số dành cho người học và giáo viên. Song song với đó, việc xây dựng chuẩn đạo đức và hướng dẫn sư phạm đối với AI tạo sinh cần được xem là một cấu phần thiết yếu của quản trị giáo dục, nhằm bảo đảm liêm chính học thuật, giảm thiểu thiên lệch ngôn ngữ và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình dạy học và đánh giá. Ngoài ra, chiến lược quốc gia cần ưu tiên phát triển hệ sinh thái dữ liệu và học liệu ngôn ngữ mở, qua đó tạo điều kiện cho khả năng chia sẻ, liên thông và tích hợp

AI theo hướng bền vững và có trách nhiệm.

Ở cấp địa phương và các cơ quan quản lý giáo dục, trọng tâm chính sách cần chuyển từ định hướng chiến lược sang chuẩn hóa triển khai, thông qua việc xây dựng các khung hướng dẫn vận hành cho ứng dụng AI trong nhà trường, bao gồm tiêu chí lựa chọn công cụ, cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả sư phạm. Đồng thời, việc đánh giá và bồi dưỡng có hệ thống năng lực sư phạm số và năng lực AI của giáo viên cần được triển khai một cách liên tục, đặc biệt đối với đội ngũ giảng dạy ngoại ngữ, nhằm bảo đảm giáo viên có khả năng khai thác AI như một công cụ hỗ trợ thiết kế hoạt động học tập, cung cấp phản hồi kịp thời và thực hiện đánh giá cá nhân hóa.

Ở cấp cơ sở giáo dục, các nhà trường cần thiết lập quy định học thuật rõ ràng và nhất quán về việc sử dụng AI trong dạy học và đánh giá ngôn ngữ, qua đó hạn chế nguy cơ lạm dụng hoặc phụ thuộc quá mức vào công nghệ. Bên cạnh đó, việc đổi mới thiết kế đánh giá năng lực ngôn ngữ theo hướng kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá dựa trên sản phẩm học tập, cùng với triển khai các mô hình thí điểm học liệu và môi trường học tập có hỗ trợ AI, sẽ tạo ra cơ sở thực nghiệm cần thiết cho việc mở rộng quy mô triển khai và điều chỉnh chính sách ở các cấp quản trị cao hơn.

Thứ hai, hàm ý theo lộ trình triển khai. Trong ngắn hạn (0–12 tháng), ưu tiên xây dựng và ban hành các hướng dẫn thực hành về sử dụng AI tạo sinh trong dạy–học và đánh giá ngôn ngữ, nhằm thiết lập chuẩn mực ban đầu về liêm chính học thuật, trách nhiệm sử dụng và bảo vệ dữ liệu người học. Song song với đó, cần triển khai các chương trình bồi dưỡng nền tảng để nâng cao nhận thức và năng lực AI cơ bản cho giáo viên, tạo tiền đề cho việc tích hợp AI một cách có kiểm soát trong thực tiễn sư phạm.

Trong trung hạn (1–3 năm), trọng tâm chính sách cần chuyển sang phát triển học liệu và dữ liệu ngôn ngữ phục vụ dạy–học và đánh giá có hỗ

trợ AI, đồng thời mở rộng các mô hình thí điểm tích hợp AI trong giảng dạy ngôn ngữ ở các bối cảnh và cấp học khác nhau. Việc đánh giá tác động sự phạm một cách hệ thống là cần thiết để cung cấp bằng chứng thực nghiệm, qua đó điều chỉnh cách thức triển khai và từng bước hoàn thiện khung chính sách. Trong dài hạn (3–5 năm), mục tiêu là chuẩn hóa khung năng lực và thể chế quản trị AI trong giảng dạy ngôn ngữ ở cấp quốc gia, tăng cường liên thông và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, đồng thời thúc đẩy các nghiên cứu quy mô lớn nhằm đánh giá tác động dài hạn của AI đối với chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giảng dạy ngôn ngữ.

Tổng thể, việc tích hợp AI trong giảng dạy ngôn ngữ tại Việt Nam cần được đặt trên nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, trong đó AI đóng vai trò là công cụ hỗ trợ nâng cao năng lực ngôn ngữ, tư duy phản biện và năng lực học tập suốt đời, thay vì thay thế vai trò sự phạm cốt lõi của giáo viên và nhà trường.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã góp phần làm rõ tác động đa chiều của trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là AI tạo sinh, đối với giảng dạy ngôn ngữ trong bối cảnh toàn cầu và phân tích một cách có hệ thống các hàm ý đối với Việt Nam. Trên cơ sở tổng hợp và đối sánh các công trình khoa học, báo cáo chính sách và văn bản quản lý giai đoạn 2019–2024, bài viết cho thấy AI đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình cá nhân hóa học tập, tự động hóa phản hồi và đổi mới đánh giá năng lực ngôn ngữ, đồng thời làm thay đổi vai trò của giáo viên, người học và mô hình sự phạm truyền thống. Tuy nhiên, các xu hướng này cũng đặt ra những thách thức đáng kể liên quan đến liên chính học thuật, thiên lệch ngôn ngữ, đạo đức sử dụng công nghệ và quản trị dữ liệu trong giáo dục.

Đối với Việt Nam, nghiên cứu chỉ ra rằng việc tích hợp AI trong giảng dạy ngôn ngữ hiện nay còn mang tính phân mảnh, thiếu khung năng

lực thống nhất, hướng dẫn sự phạm rõ ràng và hệ sinh thái học liệu ngôn ngữ phù hợp. Từ đó, bài viết nhấn mạnh ý nghĩa của việc tiếp cận AI như một quá trình chuyển đổi giáo dục có định hướng chính sách, thay vì các ứng dụng rời rạc mang tính kỹ thuật, đồng thời đề xuất các hàm ý về quản trị, phát triển năng lực giáo viên và thiết kế sự phạm nhằm bảo đảm tính bền vững và công bằng trong giáo dục ngôn ngữ. Mặc dù đạt được những kết quả trên, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế, chủ yếu do dựa trên dữ liệu thứ cấp và chưa có khảo sát thực nghiệm tại các cơ sở giáo dục cụ thể ở Việt Nam. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng theo hướng nghiên cứu định lượng, nghiên cứu trường hợp và thực nghiệm sự phạm, nhằm đánh giá sâu hơn tác động của AI đối với kết quả học tập ngôn ngữ, liên chính học thuật và năng lực nghề nghiệp của giáo viên trong bối cảnh Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abboud, R., Arya, A., & Pandi, M. (2020). Redefining the digital divide in the age of AI. *INTED2020 Proceedings*, 7421–7428.
- Akgun, S., & Greenhow, C. (2021). Artificial intelligence in education: Addressing ethical challenges in K–12 settings. *AI and Ethics*, 2(4), 431–440. <https://link.springer.com/article/10.1007/s43681-021-00068-1>
- Bozic, V. (2023). Artificial intelligence as the reason and the solution of the digital divide. *Language Education & Technology Journal*, 3(2), 115–134.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến 2030*. Chính phủ Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Báo cáo chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo năm 2023*.

- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm 2025 (Quyết định số 4153/QĐ-BGDĐT)*. Hà Nội.
- Cantu-Ortiz, J. F., Galeano, N., Garrido, L., & Terashima-Marin, H. (2020). An artificial intelligence educational strategy for digital transformation. *International Journal on Interactive Design and Manufacturing*, 14(4), 1451–1465. <https://doi.org/10.1007/s12008-020-00678-8>
- Dimitriadou, E., & Lanitis, A. (2023). A critical evaluation of artificial intelligence and emerging technologies in smart classrooms. *Smart Learning Environments*, 10(12), 1–18. <https://doi.org/10.1186/s40561-023-00232-6>
- ELSA Corp. (2023). *Vietnam user performance analytics report*. ELSA Research Center.
- Grassini, S. (2023). Artificial intelligence and human creativity: Opportunities and challenges in education. *Educational Philosophy and Theory*, 55(6), 745–760. <https://doi.org/10.1080/00131857.2023.2167890>
- Ho Chi Minh City University of Technology. (2023). *AI-supported assessment pilot report*. HCMUT Press.
- Khan Academy. (2023). *Top AI-in-education moments of 2023*. <https://www.khanacademy.org>
- Li, H. (2023). AI in education: Bridging the divide or widening the gap? *Advances in Education, Humanities and Social Science Research*, 8(1), 355–360.
- Lo, C. K. (2023). The role of generative AI in language learning: A new paradigm for communicative competence. *Language Learning & Technology*, 27(3), 1–18. <https://www.lltjournal.org/item/3105>
- Mathew, A. (2023). Is artificial intelligence a world changer? A case study of OpenAI's ChatGPT. *Recent Progress in Science and Technology*, 5(1), 35–42.
- Meacham, M. (2021). A brief history of AI and education. *International Journal of Adult and Non-Formal Education*, 2(4), 115–119.
- Ministry of Education and Training. (2021). *Vietnam education statistical report 2020*. Hanoi: MOET.
- Ministry of Education and Training. (2023). *Report on AI-supported bilingual learning tools for ethnic minority students*. Hanoi: MOET.
- Nguyen, C. T. (2023). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học ngoại ngữ ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(4), 45–58.
- Nguyen, H. T. (2022). Digital transformation in Vietnamese education: Challenges and prospects. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 45(2), 33–47.
- Nguyen, T. A. (2024). AI-driven assessment models for competency-based education in Vietnam. *Asian Education Review*, 12(1), 65–82.
- Nguyen, T. A., & Le, M. N. (2024). AI integration in language education: Opportunities and challenges in Vietnam. *Asian Journal of Educational Technology*, 14(2), 50–65.
- Nguyễn, T. T. H. (2024). Năng lực số của giáo viên ngoại ngữ trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, 34(2), 77–90.

- Organisation for Economic Co-operation and Development. (2023). *AI and the future of education: Policy perspectives and challenges*. Paris: OECD Publishing. <https://www.oecd.org/education/>
- Pham, M. L., & Tran, T. N. (2024). Integrating artificial intelligence in language education in Vietnam: Potentials and policy directions. *International Journal of Language Education and Technology*, 9(3), 101–119.
- Tran, Q. P., & Ho, T. M. (2024). Teachers' readiness for AI-supported teaching in Vietnam: A national perspective. *Asia-Pacific Journal of Education*, 44(1), 55–72. <https://doi.org/10.1080/02188791.2023.2289014>
- Trần, T. V. (2022). Chuyển đổi số trong giáo dục ngoại ngữ: Thực trạng và định hướng phát triển. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 10(3), 112–128.
- UNESCO. (2019). *Beijing consensus on artificial intelligence and education*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000368303>
- UNESCO. (2021). *Education in the age of artificial intelligence*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000376709>
- UNESCO. (2022). *AI curriculum for schools: A global framework*. Paris: UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000380602>
- UNESCO. (2023a). *Guidance for generative AI in education*. Paris: UNESCO. <https://www.unesco.org/en/articles/guidance-generative-ai-education>
- UNESCO. (2023b). *AI competencies for learners and teachers: A global framework*. Paris: UNESCO. <https://www.unesco.org/en/articles/ai-competency-framework>
- UNESCO. (2023c). *AI for inclusion: Bridging linguistic and cultural gaps in education*. Paris: UNESCO. <https://www.unesco.org/en/artificial-intelligence/inclusion>
- UNESCO. (2023d). *Generative AI and the future of education*. Paris: UNESCO. <https://www.unesco.org/en/artificial-intelligence/future-education>
- University of Languages and International Studies. (2024). *Applying generative AI in academic writing feedback*. ULIS Research Brief.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2021). *Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy học ở Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm.
- Vietnamese Government. (2022). *Decision No. 131/QĐ-TTg: National strategy for digital transformation in education 2022–2030*. Hanoi: Government of Vietnam.
- VioEdu. (2023). *Adaptive learning and AI-driven language modules*. FPT Education.
- World Bank. (2023). *Education during COVID-19: Lessons learned and future perspectives*. Washington, DC: World Bank. <https://www.worldbank.org/education>
- World Economic Forum. (2023). *The future of jobs report 2023*. Geneva: World Economic Forum. <https://www.weforum.org/reports/the-future-of-jobs-report-2023>

ARTIFICIAL INTELLIGENCE AND LANGUAGE EDUCATION: THE IMPACT OF GLOBAL TRENDS AND IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Nguyen Hoang Anh^{1*}, Nguyen Thuy An²

¹*Dong Nai Technology University*

²*Thu Dau Mot University*

* Corresponding author: *Nguyen Hoang Anh, nguyenhoanganh@dentu.edu.vn*

GENERAL INFORMATION

Received date: 23/11/2025

Revised date: 04/02/2026

Accepted date: 20/03/2026

KEYWORD

Artificial Intelligence;

Language education;

Interdisciplinary approach;

Vietnamese context;

Global trends.

ABSTRACT

The rapid development of artificial intelligence (AI) is bringing about profound changes in global education, particularly in language education, where the demand for personalized learning, timely feedback, and the development of communicative competence is growing rapidly. This study aims to examine the impact of global trends in AI for language education and to identify their implications for the Vietnamese context, given the current lack of comprehensive syntheses and international comparative studies in this field.

The study employs a synthesis of secondary data combined with thematic analysis of academic publications, policy reports, and policy and institutional documents published between 2019 and 2024. The findings indicate that AI and generative AI are fostering personalized language learning automating feedback, and supporting assessment, while simultaneously raising challenges related to academic integrity, linguistic bias, and ethical governance. In Vietnam, the integration of AI into language education remains fragmented due to the absence of competency frameworks, pedagogical guidelines, and a well-aligned learning resource ecosystem. Based on these findings, the study proposes policy, pedagogical, and teacher capacity development implications to promote the sustainable integration of AI in language education.
